



Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

118/GP-UBCK
46/GPĐC-UBCK

ngày 15 tháng 9 năm 2014
ngày 16 tháng 4 năm 2026

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 4 năm 2026. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0106665886

ngày 15 tháng 9 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106665886 ngày 30 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Quang Long
Ông Đào Duy Hải
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hòa
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Hoàng Công Minh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Quân Tùng
Bà Hoàng Thị Tuyết Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Võ Quang Long
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark
Số 15 Đường Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 8, số 265 Cầu Giấy
Phường Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2026 và báo cáo soát xét ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00546-26-01



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		5.802.892.234.480	2.376.781.782.071
I Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		5.799.088.017.044	2.373.227.638.266
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	136.203.150.022	57.858.599.313
1.1 Tiền	111.1		136.203.150.022	57.858.599.313
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	8(a)	1.297.370.322.424	570.475.590.154
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	8(b)	1.375.000.000.000	570.000.000.000
4 Các khoản cho vay	114	8(c)	2.848.177.550.143	1.110.350.470.284
5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(7.423.256.842)	(7.423.256.842)
6 Các khoản phải thu	117	10	134.393.049.027	59.322.712.147
6.1 Phải thu từ bán các tài sản tài chính	117.1		45.616.557.564	33.979.589.998
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		88.776.491.463	25.343.122.149
6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		88.776.491.463	25.343.122.149
7 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118	11	2.933.005.458	787.900.000
8 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	12	1.897.233.476	1.143.111.722
9 Các khoản phải thu khác	122	13	19.088.202.472	19.140.452.472
10 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	14	(8.551.239.136)	(8.427.940.984)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		3.804.217.436	3.554.143.805
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	15(a)	3.804.217.436	3.554.143.805

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		39.816.512.689	36.846.560.283
I Tài sản tài chính dài hạn	210		900.000.000	900.000.000
2 Các khoản đầu tư	212	16	900.000.000	900.000.000
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II Tài sản cố định	220		16.863.858.081	16.991.206.581
1 Tài sản cố định hữu hình	221	17	12.840.203.576	14.511.530.006
Nguyên giá	222		19.396.272.388	19.362.722.388
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.556.068.812)	(4.851.192.382)
2 Tài sản cố định vô hình	227	18	4.023.654.505	2.479.676.575
Nguyên giá	228		9.080.110.735	7.172.110.735
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.056.456.230)	(4.692.434.160)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	19	720.000.000	720.000.000
IV Tài sản dài hạn khác	250		21.332.654.608	18.235.353.702
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	20	228.020.550	228.020.550
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	15(b)	7.609.782.357	6.975.573.153
3 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	36.908.298
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	21	13.494.851.701	10.994.851.701
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.842.708.747.169	2.413.628.342.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2.816.837.094.627	976.533.561.492
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		2.816.309.468.045	976.005.934.910
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		2.612.400.000.000	925.300.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	22	2.612.400.000.000	925.300.000.000
6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	23	1.281.111.687	3.044.174.462
8 Phải trả người bán ngắn hạn	320	24	168.569.419.982	16.418.319.982
9 Người mua trả trước ngắn hạn	321		1.754.000.000	535.000.000
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	25	18.884.698.293	6.971.172.623
11 Phải trả người lao động	323		4.401.844.973	15.065.645.340
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		617.138.199	617.138.199
13 Chi phí phải trả ngắn hạn	325	26	3.629.418.926	2.986.867.197
15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		666.461.394	166.461.396
17 Các khoản phải trả ngắn hạn khác	329	27	4.097.389.015	4.893.170.135
19 Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		7.985.576	7.985.576
II Nợ phải trả dài hạn	340		527.626.582	527.626.582
1 Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		527.626.582	527.626.582
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.025.871.652.542	1.437.094.780.862
I Vốn chủ sở hữu	410		3.025.871.652.542	1.437.094.780.862
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	28	2.713.263.590.000	1.200.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.713.263.590.000	1.200.000.000.000
a Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411.1.a		2.713.263.590.000	1.200.000.000.000
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.978.056.298	2.978.056.298
5 Quỹ dự phòng tài chính	415		3.021.943.702	3.021.943.702
6 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
7 Lợi nhuận chưa phân phối	417		301.490.401.002	225.977.119.322
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		223.259.639.447	132.353.788.304
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		78.230.761.555	93.623.331.018
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		5.842.708.747.169	2.413.628.342.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B01a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004		445.371.228	445.371.228
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		271.326.359	120.000.000
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty (số lượng cổ phiếu)	008		423.424.900.000	465.351.200.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010		155.000.000.000	-
12	TSTC chưa lưu ký tại VSDC	012		175.444.160.000	2.694.160.000
13	TSTC được hưởng quyền	013		13.288.200.000	-
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	29(a)	9.710.590.579.600	9.233.442.597.900
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		7.469.332.359.600	5.248.475.737.900
b.	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		3.194.600.000	5.196.320.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	021.3		2.166.187.480.000	3.967.138.730.000
d.	TSTC phong tỏa	021.4		55.621.640.000	40.000
e.	TSTC chờ thanh toán	021.5		16.254.500.000	12.631.770.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	29(b)	63.452.690.000	47.119.160.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		56.402.690.000	40.069.160.000
b.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.050.000.000	7.050.000.000
3	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		123.444.200.000	51.203.340.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026		362.716.489.342	345.534.168.890
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	29(c)	328.181.775.602	314.114.295.290
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	29(d)	34.534.713.740	31.419.873.600
a	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	029.1		34.534.713.740	31.399.473.600
b	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	20.400.000

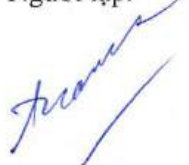
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B01a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031		362.716.489.342	345.534.168.890
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1		357.660.407.044	343.317.140.318
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2		5.056.082.298	2.217.028.572

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Phương Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B02a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/IT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
	Mã số	Thuyết minh		
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1	Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01	75.937.598.816	11.717.546.455
	a. Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1 30(a)	43.865.232.906	4.109.289.374
	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2 30(b)	28.881.564.551	7.248.097.700
	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	01.3 30(c)	3.190.801.359	360.159.381
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02 30(c)	37.271.684.924	1.431.975.339
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03 30(c)	96.716.883.035	12.343.089.062
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06 30(d)	31.972.127.183	9.323.473.645
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09 30(d)	1.498.406.408	1.209.757.635
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10 30(d)	32.987.120.842	4.265.318.182
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11 30(d)	668.022.979	289.323.585
Cộng doanh thu hoạt động			277.051.844.187	40.580.483.903
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21	51.147.451.009	633.039.274
	a. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1 30(a)	6.510.851.368	206.655.276
	b. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2 30(b)	44.482.501.580	426.383.998
	c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL	21.3	154.098.061	-
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	123.298.152	20.383.289
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26	2.460.468.265	6.180.912
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27 31	32.604.143.476	7.552.215.032
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	4.740.051.754	1.104.215.702
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	5.248.267.356	2.820.515.115
2.12	Chi phí các dịch vụ khác	32	-	1.995.635.355
Cộng chi phí hoạt động			96.323.680.012	14.132.184.679

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
Mã số	Thuyết minh		
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	208.367.566
3.2	Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	1.412.683.207
			955.456.211
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	1.621.050.773
			955.456.211
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
4.2	Chi phí lãi vay	52	61.146.437.904
			1.518.259.906
	Cộng chi phí tài chính	60	61.146.437.904
			1.518.259.906
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ		62	32
		26.388.474.299	17.676.637.460
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
	(70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 62)	70	94.814.302.745
			8.208.858.069
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
8.1	Thu nhập khác	71	3.531.735.764
8.2	Chi phí khác	72	135.779
			122.732
			-
	Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80	3.531.599.985
			122.732
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN			
	TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	98.345.902.730
	(MANG SANG TRANG SAU)		8.208.980.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
IX	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)	90		98.345.902.730	8.208.980.801
9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	91		113.738.472.193	1.387.267.099
9.2	(Lỗ)/lãi chưa thực hiện	92		(15.392.569.463)	6.821.713.702
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	33	22.832.621.050	1.643.867.646
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		22.795.712.752	1.643.867.646
10.2	Chi phí thuế hoãn lại	100.2		36.908.298	-
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)	200		75.513.281.680	6.565.113.155
XIII	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	34	397	205

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Phương Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30/6/2026

30/6/2025

VND

VND

(Trình bày lại)

**Mã
số**

I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp

01	98.345.902.730	8.208.980.801
02	(71.226.911.609)	(11.085.454.375)
03	2.068.898.500	671.213.410
04	123.298.152	20.383.289
05	(208.367.566)	-
06	61.146.437.904	1.518.259.906
08	(134.357.178.599)	(13.295.310.980)

3 Tăng các chi phí phi tiền tệ

10	44.482.501.580	426.383.998
11	44.482.501.580	426.383.998

4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ

18	(28.881.564.551)	(7.248.097.700)
19	(28.881.564.551)	(7.248.097.700)

5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

30	42.719.928.150	(9.698.187.276)
31	(742.495.669.299)	52.983.728.802
32	(805.000.000.000)	40.000.000.000
33	(1.737.827.079.859)	(189.192.311.431)
35	(11.428.600.000)	-
36	70.923.809.285	14.106.310.977
37	(754.121.754)	(3.130.426.967)
39	52.250.000	22.425.055
40	-	(355.083.929)
41	(1.528.749.593)	347.141.326
42	(884.282.835)	(7.076.922.041)
43	(11.204.500.458)	(2.024.629.800)
44	(58.975.136.582)	(1.473.065.385)
45	152.118.150.000	(4.206.819)
46	-	5.062.766
47	322.313.376	759.433.592
48	(10.663.800.367)	1.860.649.498
50	(295.781.122)	885.674.250
51	67.854.894.542	(5.102.476.410)
52	(73.044.062.775)	(543.525.529)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

60	(3.120.110.439.291)	(107.630.409.321)
-----------	----------------------------	--------------------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(1.908.600.000)	(1.270.900.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(1.908.600.000)	(1.270.900.584)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	1.513.263.590.000	900.000.000.000
Tiền vay gốc	73	5.981.643.287.522	810.600.000.000
<i>Tiền vay khác</i>	<i>73.2</i>	<i>5.981.643.287.522</i>	<i>810.600.000.000</i>
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(4.294.543.287.522)	(773.000.000.000)
<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>	<i>74.3</i>	<i>(4.294.543.287.522)</i>	<i>(773.000.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	3.200.363.590.000	937.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	78.344.550.709	828.698.690.095
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	57.858.599.313	62.599.400.320
▪ <i>Tiền</i>	<i>101.1</i>	<i>57.858.599.313</i>	<i>2.099.400.320</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>101.2</i>	<i>-</i>	<i>60.500.000.000</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 6)	103	136.203.150.022	891.298.090.415
▪ <i>Tiền</i>	<i>103.1</i>	<i>136.203.150.022</i>	<i>891.298.090.415</i>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	14.071.756.699.931	4.055.720.243.100
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(16.374.865.498.896)	(4.671.443.572.610)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	19.011.889.230.937	8.079.132.331.325
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(16.690.655.208.748)	(7.321.707.075.759)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(942.902.772)	(1.070.962.124)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	1.084.435.352.313	131.503.256.726
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(1.084.435.352.313)	(131.503.256.726)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20	17.182.320.452	140.630.963.932
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	345.534.168.890	66.894.589.826
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31	345.534.168.890	66.894.589.826
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	314.114.295.290	51.891.492.946
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	33	-	15.003.096.880
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	31.419.873.600	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	362.716.489.342	207.525.553.758

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	362.716.489.342	207.525.553.758
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	328.181.775.602	207.500.663.758
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	34.534.713.740	24.890.000

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Phương Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B04a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu kỳ tại ngày		Biến động trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày				Số dư cuối kỳ tại ngày	
	1/1/2025	1/1/2026	30/6/2025	(Giảm)	30/6/2026	(Giảm)	30/6/2025	30/6/2026
	VND	VND	Tăng VND	VND	Tăng VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	1.200.000.000.000	900.000.000.000	-	1.513.263.590.000	-	1.200.000.000.000	2.713.263.590.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	300.000.000.000	1.200.000.000.000	900.000.000.000	-	1.513.263.590.000	-	1.200.000.000.000	2.713.263.590.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.978.056.298	2.978.056.298	-	-	-	-	2.978.056.298	2.978.056.298
Quỹ dự phòng tài chính	3.021.943.702	3.021.943.702	-	-	-	-	3.021.943.702	3.021.943.702
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
Lợi nhuận chưa phân phối	98.615.988.589	225.977.119.322	6.821.713.702	(256.600.547)	90.905.851.143	(15.392.569.463)	105.181.101.744	301.490.401.002
Lợi nhuận đã thực hiện	90.603.007.411	132.353.788.304	-	(256.600.547)	90.905.851.143	-	90.346.406.864	223.259.639.447
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.012.981.178	93.623.331.018	6.821.713.702	-	-	(15.392.569.463)	14.834.694.880	78.230.761.555
	409.733.650.129	1.437.094.780.862	906.821.713.702	(256.600.547)	1.604.169.441.143	(15.392.569.463)	1.316.298.763.284	3.025.871.652.542

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Phương Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 9 năm 2014. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 4 năm 2026 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 2.713.263.590.000 VND (1/1/2026: 1.200.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 156 nhân viên (1/1/2026: 149 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 4(d)), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Các thay đổi trọng yếu về chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 4(a).

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán đã áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được trình bày tại Thuyết minh 4(a) và Thuyết minh 4(b) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế áp dụng tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các thay đổi về chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó. Các khoản tương đương tiền không bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng được dùng làm tài sản bảo đảm tại các ngân hàng cho các khoản vay của Công ty.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính (“TSTC”) và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 4(d);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 4(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 4(f); và
- Các khoản phải thu: xem Thuyết minh 4(g).

Công ty phân loại các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Nếu không có giao dịch trong vòng một tháng, giá trị hợp lý là giá trị ghi sổ tại ngày định giá hoặc ngày báo cáo tài chính gần nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá thị trường của trái phiếu là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá trị hợp lý là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quỹ công bố.

(e) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và tạm ứng tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trích lập/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 8 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	4 – 8 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí triển khai tài sản cố định vô hình chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(l) Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc thời gian hữu dụng ước tính.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các chính sách kế toán 4(e), 4(f) và 4(g), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(q) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

(r) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu từ vốn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(s) Chi phí

(i) Lỗ từ bán TSTC

Lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSDC (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trên báo cáo kết quả hoạt động.

(iii) Chi phí cho nghiệp vụ môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán

Chi phí môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Chi phí từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(t) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
▪ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	6	136.203.150.022	57.858.599.313
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	8(b)	1.375.000.000.000	570.000.000.000
TSTC ghi nhận theo FVTPL (ii)			
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	8(a)	162.199.182.420	160.717.900.000
Các khoản cho vay:			
▪ Cho vay giao dịch ký quỹ (iii)	8(c)	2.815.995.143.755	1.075.376.538.559
▪ Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (iv)	8(c)	30.493.452.178	33.284.977.515
▪ Cho vay khác (v)	8(c)	1.688.954.210	1.688.954.210
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11	2.933.005.458	787.900.000
Các khoản phải thu khác (vi):			
▪ Phải thu từ bán TSTC		45.616.557.564	33.979.589.998
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC		88.776.491.463	25.343.122.149
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	12	1.897.233.476	1.143.111.722
▪ Các khoản phải thu khác	13	19.088.202.472	19.140.452.472
Tài sản dài hạn khác (vii)	20	228.020.550	228.020.550
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (vii)	21(a)	13.494.851.701	10.994.851.701
		4.693.614.245.269	1.990.544.018.189

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành và chứng chỉ tiền gửi của Công ty chủ yếu tại các tổ chức có bậc tín nhiệm cao. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các tổ chức này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi Ban Tổng Giám đốc và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Phòng Quản lý rủi ro có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	1.234.302.632	1.234.302.632

Xem Thuyết minh 9 về dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp.

(iv) Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được thu hồi trực tiếp từ VSDC. VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tạm ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(v) Cho vay khác

Cho vay khác bao gồm các khoản cho vay tín chấp không phù hợp với quy định hiện hành theo Luật chứng khoán. Công ty đã trích lập dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay tín chấp này.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các khoản cho vay khác		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	1.688.954.210	1.688.954.210

(vi) Các khoản phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

(vii) Tài sản khác

Các tài sản khác bao gồm các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược, và tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán. VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán để đảm bảo khả năng thanh toán.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm	Trên 5 năm
Vay ngắn hạn	2.612.400.000.000	2.653.302.166.849	2.653.302.166.849	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.281.111.687	1.281.111.687	1.281.111.687	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	168.569.419.982	168.569.419.982	168.569.419.982	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	716.703.357	716.703.357	716.703.357	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.097.389.015	4.097.389.015	4.097.389.015	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	527.626.582	527.626.582	527.626.582	-	-
	2.787.592.250.623	2.828.494.417.472	2.828.494.417.472	-	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm	Trên 5 năm
Vay ngắn hạn	925.300.000.000	977.591.641.644	977.591.641.644	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.044.174.462	3.044.174.462	3.044.174.462	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	16.418.319.982	16.418.319.982	16.418.319.982	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.245.452.950	2.245.452.950	2.245.452.950	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.893.170.135	4.893.170.135	4.893.170.135	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	527.626.582	527.626.582	527.626.582	-	-
	952.428.744.111	1.004.720.385.755	1.004.720.385.755	-	-

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến khả năng không thanh toán được các nghĩa vụ tương đối thấp do Công ty có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng của Công ty có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có thể phải chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có các số dư từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	136.203.150.022	57.858.599.313
Trái phiếu doanh nghiệp	162.199.182.420	160.717.900.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.375.000.000.000	570.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp	2.848.177.550.143	1.110.350.470.284
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	13.494.851.701	10.994.851.701
Vay ngắn hạn	2.612.400.000.000	925.300.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của Công ty như sau:

	Giá trị hợp lý	
	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu		
Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	968.374.653.904	274.891.243.904
▪ Cổ phiếu niêm yết	385.318.910.000	270.270.000.000
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết	583.055.743.904	4.621.243.904

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 4% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 30.987.988.925 triệu VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	1.227.754.413.203	1.297.370.322.424	485.258.743.904	570.475.590.154
- Cổ phiếu niêm yết	330.348.386.879	385.318.910.000	189.420.000.000	270.270.000.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	583.055.743.904	583.055.743.904	4.621.243.904	4.621.243.904
- Trái phiếu chính phủ	152.151.100.000	152.616.100.000	130.499.600.000	130.429.680.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	162.199.182.420	176.379.568.520	160.717.900.000	165.154.666.250
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	136.203.150.022	136.203.150.022	57.858.599.313	57.858.599.313
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.375.000.000.000	(*)	570.000.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	2.845.254.293.301	(*)	1.110.350.470.284	(*)
▪ Trả trước cho người bán	2.933.005.458	(*)	787.900.000	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	1.897.233.476	(*)	1.143.111.722	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	19.088.202.472	(*)	19.140.452.472	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	228.020.550	(*)	228.020.550	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13.494.851.701	(*)	10.994.851.701	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	2.612.400.000.000	(*)	925.300.000.000	(*)
▪ Phải trả cho các Sở Giao dịch chứng khoán và VSDC (i)	1.281.111.687	1.281.111.687	3.044.174.462	3.044.174.462
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	168.569.419.982	(*)	16.418.319.982	(*)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	3.629.418.926	(*)	2.986.867.197	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.097.389.015	(*)	4.893.170.135	(*)

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng	136.203.150.022	57.858.599.313

7. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	24.563.200	740.690.440.000	5.871.853	67.021.762.900
Trái phiếu	67.876.188	9.299.042.461.469	1.000.000	103.909.000.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	1.016.140.219	24.687.054.542.980	461.669.089	7.900.655.887.780
Trái phiếu	7.468.041	5.859.539.996.937	840.000	910.349.958.000
Chứng khoán khác	16.250.041	21.325.168.580	373.688	133.317.970
	1.132.297.689	40.607.652.609.966	469.754.630	8.982.069.926.650

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản tài chính

(a) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

	30/6/2026		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2026		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết	330.348.386.879	385.318.910.000	60.434.468.121	5.463.945.000	385.318.910.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	583.055.743.904	583.055.743.904	-	-	583.055.743.904
Trái phiếu chính phủ	152.151.100.000	152.616.100.000	465.000.000	-	152.616.100.000
Trái phiếu doanh nghiệp	162.199.182.420	176.379.568.520	14.182.096.430	1.710.330	176.379.568.520
	1.227.754.413.203	1.297.370.322.424	75.081.564.551	5.465.655.330	1.297.370.322.424
	1/1/2026		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2026		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết	189.420.000.000	270.270.000.000	80.850.000.000	-	270.270.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.243.904	4.621.243.904	-	-	4.621.243.904
Trái phiếu chính phủ	130.499.600.000	130.429.680.000	-	69.920.000	130.429.680.000
Trái phiếu doanh nghiệp	160.717.900.000	165.154.666.250	4.436.766.250	-	165.154.666.250
	485.258.743.904	570.475.590.154	85.286.766.250	69.920.000	570.475.590.154

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.375.000.000.000	-	570.000.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có thời hạn đáo hạn còn lại từ 2 tháng đến 5 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 5,10% đến 9,00% (1/1/2025: từ 3,50% đến 6,10%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm 1.325.000.000.000 triệu VND (1/1/2026: 470.000.000.000 triệu VND) được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 22).

(c) Các khoản cho vay

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	2.815.995.143.755	(i)	1.075.376.538.559	(i)
Ứng trước tiền bán chứng khoán	30.493.452.178	(ii)	33.284.977.515	(ii)
Cho vay khác	1.688.954.210	(i)	1.688.954.210	(i)
	<u>2.848.177.550.143</u>		<u>1.110.350.470.284</u>	

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và các khoản cho vay khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản ứng trước tiền bán chứng khoán xấp xỉ giá trị ghi sổ vì khoản ứng trước tiền bán chứng khoán này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	2.923.256.842	2.923.256.842	2.923.256.842	2.923.256.842
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính khác	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
	7.423.256.842	7.423.256.842	7.423.256.842	7.423.256.842

10. Các khoản phải thu

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu từ bán các tài sản tài chính:		
▪ Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (i)	26.206.458.564	25.998.090.998
▪ Phải thu từ bán cổ phần Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (ii)	11.428.600.000	-
▪ Phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán (iii)	7.981.499.000	7.981.499.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư	88.776.491.463	25.343.122.149
	134.393.049.027	59.322.712.147

- (i) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty ngày 30 tháng 12 năm 2008 và Phụ lục số 01 ngày 25 tháng 4 năm 2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty vào Dự án Tòa nhà Sailing Tower tại số 51 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh do Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CC1) làm chủ đầu tư. Theo đó, Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty vào Dự án trên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 16 tháng 9 năm 2006 giữa Công ty và CC1. Đến thời điểm hiện tại, PVD còn phải thanh toán cho Công ty số tiền 996.974 USD, tương đương 26.206.458.564 VND quy đổi theo tỷ giá hạch toán kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tương đương 20% giá trị của Hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn giữa Công ty và PVD), đồng thời Công ty còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 VND (Thuyết minh 24). Các bên cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4, tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì Công ty sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 VND cho CC1, đồng thời PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Theo Biên bản làm việc ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết như thỏa thuận. Vì vậy, PVD vẫn tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, CC1 đã có Công văn số 414/TCT-ĐT về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CC1 và Công ty. Theo Công văn nêu trên, CC1 sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết năm đối với 2 đơn vị thuộc PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi Công ty hoàn tất thanh toán công nợ với CC1, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp,... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp chứng nhận. Công ty và PVD đã có Văn bản số 72/2021/VIS ngày 19 tháng 3 năm 2021 gửi CC1 yêu cầu CC1 xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, CC1 có Công văn số 958/TCT-ĐT về việc xem xét thanh toán số tiền trên và thống nhất trong việc xác định khoản phí phải trả.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang làm việc với PVD và CC1 để giải quyết vấn đề trên.

- (ii) Khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông cho các nhà đầu tư.
- (iii) Khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng đầu tư chứng khoán với hai cá nhân là bà Kiều Hồng Hỷ và bà Phan Thị Giang, theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán lần lượt là 032020/HĐHTĐT-VIS ngày 20 tháng 7 năm 2020 và 042020/HĐHTĐT-VIS ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, hai cá nhân này vẫn chưa thanh toán số tiền góp vốn đầu tư của Công ty theo hợp đồng, Công ty đã trích lập dự phòng suy giảm giá trị cho khoản phải thu này (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trả trước chi phí thuê văn phòng và phí quản lý	1.403.366.118	-
Trả trước dịch vụ tư vấn thiết kế và thi công nội thất	791.563.900	-
Trả trước tiền mua và sửa chữa hệ thống phần mềm	560.000.000	767.900.000
Khác	178.075.440	20.000.000
	2.933.005.458	787.900.000

12. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	131.958.042	139.620.297
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	669.375.434	537.891.425
Phải thu từ hoạt động tư vấn	1.095.900.000	465.600.000
	1.897.233.476	1.143.111.722

13. Các khoản phải thu khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh	18.700.000.000	18.700.000.000
Các khoản phải thu khác	388.202.472	440.452.472
	19.088.202.472	19.140.452.472

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	7.981.499.000	7.981.499.000	7.981.499.000	7.981.499.000
Phải thu khác	569.740.136	569.740.136	446.441.984	446.441.984
	8.551.239.136	8.551.239.136	8.427.940.984	8.427.940.984

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Tại ngày 30/6/2026				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2026 VND (2)	Dự phòng trích lập trong kỳ VND (3) = (1) - (2)
Phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	7.981.499.000	-	7.981.499.000	7.981.499.000	-
Phải thu khác	569.740.136	-	569.740.136	446.441.984	123.298.152
	8.551.239.136	-	8.551.239.136	8.427.940.984	123.298.152

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Tại ngày 30/6/2025				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2025 VND (2)	Dự phòng trích lập trong kỳ VND (3) = (1) - (2)
Phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	7.981.499.000	-	7.981.499.000	7.981.499.000	-
Phải thu khác	91.525.697	-	91.525.697	91.142.408	383.289
	8.073.024.697	-	8.073.024.697	8.072.641.408	383.289

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí hệ thống, phần mềm	1.861.158.134	905.176.155
Chi phí trả trước cho sở giao dịch chứng khoán	432.900.000	-
Trả trước tiền thuê văn phòng	467.963.531	2.224.746.449
Khác	1.042.195.771	424.221.201
	3.804.217.436	3.554.143.805

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí cải tạo văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.424.316.728	3.284.036.010	267.220.415	6.975.573.153
Tăng trong kỳ	531.600.000	184.541.490	1.873.880.000	2.590.021.490
Phân bổ trong kỳ	(849.965.856)	(708.654.264)	(397.192.166)	(1.955.812.286)
Số dư cuối kỳ	3.105.950.872	2.759.923.236	1.743.908.249	7.609.782.357

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản đầu tư

	Tỷ lệ sở hữu	30/6/2026			1/1/2026		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	15%	900.000.000	-	(*)	900.000.000	-	(*)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

17. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	813.040.322	17.414.942.066	1.134.740.000	19.362.722.388
Tăng trong kỳ	-	-	33.550.000	33.550.000
Số dư cuối kỳ	813.040.322	17.414.942.066	1.168.290.000	19.396.272.388
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	93.951.333	4.661.055.277	96.185.772	4.851.192.382
Khấu hao trong kỳ	81.304.038	1.506.451.795	117.120.597	1.704.876.430
Số dư cuối kỳ	175.255.371	6.167.507.072	213.306.369	6.556.068.812
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	719.088.989	12.753.886.789	1.038.554.228	14.511.530.006
Số dư cuối kỳ	637.784.951	11.247.434.994	954.983.631	12.840.203.576

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Phần mềm máy
vi tính
VND

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ	7.172.110.735
Tăng trong kỳ	1.190.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	718.000.000

Số dư cuối kỳ	9.080.110.735
---------------	---------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	4.692.434.160
Khấu hao trong kỳ	364.022.070

Số dư cuối kỳ	5.056.456.230
---------------	---------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	2.479.676.575
Số dư cuối kỳ	4.023.654.505

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	720.000.000	-
Tăng trong kỳ	718.000.000	8.252.739.141
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(718.000.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.193.200.584)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	(7.059.538.557)
Số dư cuối kỳ	720.000.000	-

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 thể hiện khoản chi phí nâng cấp, lắp đặt phần mềm chưa được nghiệm thu.

20. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	133.020.550	133.020.550
Tiền ký quỹ khác	95.000.000	95.000.000
	228.020.550	228.020.550

21. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 40/QĐ-VSD ngày 29 tháng 4 năm 2025 của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.994.851.701	9.824.656.584
Tiền nộp bổ sung	2.500.000.000	1.170.195.117
Lãi phát sinh	467.239.993	583.614.107
Lãi nhận được	(467.239.993)	(583.614.107)
Số dư cuối kỳ	13.494.851.701	10.994.851.701

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

22. Vay ngắn hạn

	Loại tiền	Số dư tại ngày 1/1/2026 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	Số dư tại ngày 30/6/2026 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông (i)	VND	298.000.000.000	2.729.643.287.522	(2.354.643.287.522)	673.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	178.600.000.000	593.200.000.000	(394.200.000.000)	377.600.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (i)	VND	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển (i)	VND	148.700.000.000	597.000.000.000	(445.700.000.000)	300.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	87.000.000.000	-	87.000.000.000
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	VND	-	600.000.000.000	(400.000.000.000)	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	-	265.000.000.000	-	265.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VND	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	-	59.800.000.000	-	59.800.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	-	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Đối tượng khác	VND	-	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-
		925.300.000.000	5.981.643.287.522	(4.294.543.287.522)	2.612.400.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.325.000.000.000 VND và các cổ phần của Công ty được sở hữu bởi Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings là công ty mẹ của Công ty (1/1/2026: các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty với giá trị ghi sổ là 470.000.000.000 VND và các cổ phần của Công ty được sở hữu bởi Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings là công ty mẹ của Công ty).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tháng đến 5 tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất năm dao động từ 5,00% đến 9,50% (31/12/2025: 4,50% đến 6,50%).

23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải trả cho các Sở giao dịch chứng khoán và VSDC	1.279.861.687	974.642.462
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.250.000	2.069.532.000
	1.281.111.687	3.044.174.462

24. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải trả Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (i)	16.418.319.982	16.418.319.982
Phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	152.151.100.000	-
	168.569.419.982	16.418.319.982

- (i) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích Tòa nhà Sailing Tower theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (Thuyết minh 10(i)).
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng liên quan đến việc mua trái phiếu theo Hợp đồng mua bán trái phiếu ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**

	1/1/2026 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	275.529.375	3.203.580.097	(3.345.866.290)	133.243.182
Thuế thu nhập cá nhân	867.553.171	6.659.113.176	(6.546.940.133)	979.726.214
Thuế thu nhập nhà đầu tư	2.092.561.065	16.411.257.254	(16.058.830.728)	2.444.987.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.735.529.012	22.795.712.752	(11.204.500.458)	15.326.741.306
	6.971.172.623	49.069.663.279	(37.156.137.609)	18.884.698.293

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	1/1/2025 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	79.313.899	368.895.982	(444.514.431)	3.695.450
Thuế thu nhập cá nhân	101.310.401	1.789.333.778	(1.531.962.489)	358.681.690
Thuế thu nhập nhà đầu tư	611.061.170	56.484.930.164	(55.907.249.412)	1.188.741.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp	912.435.802	1.643.867.646	(2.024.629.800)	531.673.648
	1.704.121.272	60.287.027.570	(59.908.356.132)	2.082.792.710

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	2.912.715.569	741.414.247
Các chi phí khác	716.703.357	2.245.452.950
	3.629.418.926	2.986.867.197

27. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải trả tiền bán tài sản – bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Phải trả tiền chi hộ cổ tức - Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc R'tít	114.353.102	902.903.102
Phải trả khác	2.433.035.913	2.440.267.033
	4.097.389.015	4.893.170.135

28. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Số cổ phiếu	30/6/2026 VND	Số cổ phiếu	31/12/2025 VND
Vốn cổ phần được duyệt	271.326.359	2.713.263.590.000	120.000.000	1.200.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	271.326.359	2.713.263.590.000	120.000.000	1.200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần đã góp trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.200.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	1.513.263.590.000	900.000.000.000
Số dư cuối kỳ	2.713.263.590.000	1.200.000.000.000

Cơ cấu cổ đông của Công ty:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings	262.153.860	96,62	112.153.860	93,46
Các cổ đông khác	9.172.499	3,38	7.846.140	6,54
	271.326.359	100	120.000.000	100

Công ty mẹ cũng là công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings (tên cũ: Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt) được thành lập tại Việt Nam.

29. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	7.469.332.359.600	5.248.475.737.900
TSTC giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.194.600.000	5.196.320.000
TSTC giao dịch cầm cố	2.166.187.480.000	3.967.138.730.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	55.621.640.000	40.000
TSTC chờ thanh toán	16.254.500.000	12.631.770.000
	9.710.590.579.600	9.233.442.597.900

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	56.402.690.000	40.069.160.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.050.000.000	7.050.000.000
	63.452.690.000	47.119.160.000

(c) Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	325.137.797.899	311.917.666.718
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	3.043.977.703	2.196.628.572
	328.181.775.602	314.114.295.290

(d) Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34.534.713.740	31.399.473.600
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	20.400.000
	34.534.713.740	31.419.873.600

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu/(chi phí) hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026	Số lượng	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND (2)	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán kỳ này VND (3) = (1) – (2)	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán kỳ trước VND
Cổ phiếu	993.000	11.428.600.000	9.898.953.121	1.529.646.879	(6.365.902)
Trái phiếu	34.392.028	4.651.431.384.745	4.615.606.650.086	35.824.734.659	3.909.000.000
Lãi bán chứng khoán cơ sở				37.354.381.538	3.902.634.098
Trong đó:					
Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				43.865.232.906	4.109.289.374
Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				(6.510.851.368)	(206.655.276)

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Số lượng	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND (2)	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán kỳ này VND (3) = (1) – (2)	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán kỳ trước VND
Cổ phiếu	873.453	9.540.162.900	9.546.528.802	(6.365.902)	-
Trái phiếu	1.009.188	104.827.800.000	100.918.800.000	3.909.000.000	-
	1.882.641	114.367.962.900	110.465.328.802	3.902.634.098	-
<i>Trong đó:</i>					
Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				4.109.289.374	-
Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL				(206.655.276)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu/(chi phí) hoạt động (tiếp theo)

(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026	Giá gốc tại ngày 30/6/2026 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 30/6/2026 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 30/6/2026 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2026 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại ghi nhận trong kỳ VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	330.348.386.879	385.318.910.000	54.970.523.121	80.850.000.000	(25.879.476.879)
Cổ phiếu chưa niêm yết	583.055.743.904	583.055.743.904	-	-	-
Trái phiếu	314.350.282.420	328.995.668.520	14.645.386.100	4.366.846.250	10.278.539.850
	1.227.754.413.203	1.297.370.322.424	69.615.909.221	85.216.846.250	(15.600.937.029)
<i>Trong đó:</i>					
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					28.881.564.551
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL					(44.482.501.580)

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Giá gốc tại ngày 30/6/2025 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 30/6/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 30/6/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2025 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại ghi nhận trong kỳ VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	57.482.055.865	64.733.766.501	7.251.710.636	429.996.934	6.821.713.702
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	-	-	-
Trái phiếu	7.351.800.000	7.351.800.000	-	-	-
	69.455.016.593	76.706.727.229	7.251.710.636	429.996.934	6.821.713.702

Trong đó:

Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

7.248.097.700

Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

(426.383.998)

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu/(chi phí) hoạt động (tiếp theo)

(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
▪ Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	3.190.801.359	360.159.381
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.271.684.924	1.431.975.339
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		
▪ Thu nhập lãi từ cho vay giao dịch ký quỹ	94.544.853.093	11.451.438.843
▪ Thu nhập lãi từ tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng	2.172.029.942	891.650.219
	96.716.883.035	12.343.089.062
	137.179.369.318	14.135.223.782

(d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.972.127.183	9.323.473.645
Doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.498.406.408	1.209.757.635
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	32.987.120.842	4.265.318.182
Thu nhập hoạt động khác	668.022.979	289.323.585
	67.125.677.412	15.087.873.047

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương cho nhân viên	6.230.572.968	1.872.925.359
Các khoản trích theo lương	1.144.800.000	322.767.756
Khấu hao tài sản cố định	7.937.664	1.234.748
Phí môi giới chứng khoán	15.894.862.332	2.658.145.506
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	7.197.529.523	2.523.067.219
Chi phí khác	2.128.440.989	174.074.444
	32.604.143.476	7.552.215.032

32. Chi phí quản lý

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương cho nhân viên	15.832.072.867	10.790.782.284
Chi phí văn phòng phẩm	66.575.434	41.035.232
Công cụ dụng cụ	1.334.828.148	273.404.632
Khấu hao tài sản cố định	2.051.677.744	668.534.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.704.458.724	5.208.880.368
Chi phí khác	398.861.382	694.000.318
	26.388.474.299	17.676.637.460

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	22.795.712.752	1.643.867.646
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	36.908.298	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.832.621.050	1.643.867.646

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.345.902.730	8.208.980.801
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.669.180.546	1.641.796.160
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.163.440.504	2.071.486
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.832.621.050	1.643.867.646

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên lợi nhuận thuần về cổ đông phổ thông là 75.513.281.680 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 6.565.113.155 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 190.228.807 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 31.988.950 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	75.513.281.680	6.565.113.155

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	120.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	70.228.807	1.988.950
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông trong kỳ	190.228.807	31.988.950

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	397	205

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Vốn góp của chủ sở hữu	2.621.538.600.000	1.121.538.600.000
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh		
Phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư	18.700.000.000	18.700.000.000
Công ty Cổ phần Gateway Thủ Thiêm		
Phải trả phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	1.422.747.018	-

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Tiền thu từ nhận vốn góp	1.500.000.000.000	865.361.280.000
Thu nhập từ phí lưu ký	32.612.910	69.357.618
Thu nhập khác	27.500.000	9.545.455
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh		
Thu nhập từ phí lưu ký	16.461.036	35.963.550
Thu nhập từ phí chuyển khoản	4.915.800	700.000
Thu nhập từ phí chuyển nhượng chứng khoán	-	74.812.500
Công ty Cổ phần Gateway Thủ Thiêm		
Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	1.367.806.474	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Võ Quang Long	160.000.000	108.000.000
Ông Đào Duy Hải	120.000.000	81.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	-	27.000.000
Lương, thưởng và thù lao Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị	2.934.510.474	1.038.713.783
Lương và thưởng thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Bà Hoàng Thị Tuyết Hạnh	1.411.131.903	-
Ông Dương Kỳ Hiệp	-	80.599.500
Bà Nguyễn Thị Triều	-	173.202.791
Ông Vũ Hoàng Minh	-	172.610.250
Ông Vĩnh Bảo Quốc	-	242.373.700
Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hòa	80.000.000	54.000.000
Ông Đinh Khánh Hòa	-	12.600.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	56.000.000	37.800.000
Ông Hoàng Công Minh	56.000.000	25.200.000

36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.081.994.380	7.847.391.524
Từ một đến năm năm	6.774.505.124	6.815.271.747
	15.856.499.504	14.662.663.271

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này so với các ước tính kế toán được sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

38. Các yếu tố theo thời vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ.

39. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường nào phát sinh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

40. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

41. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định lập và trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp thay vì phương pháp trực tiếp như đã áp dụng cho các kỳ trước đây. Theo đó, thông tin so sánh của lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Phương Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc

